

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 68/2022/HNGĐ-ST.

Ngày 26-8-2022.

V/v “ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Minh Lý.

Ông Trần Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2022 về “Ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Khu phố AQ, phường AH, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh (có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Trọng N, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Khu phố TL, phường GL, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày:

Chị và anh Nguyễn Trọng N cưới nhau năm 1991, không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, chị và anh N sống chung với cha mẹ chồng tại ấp TL, xã GL (nay Khu phố TL, phường GL), thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Chị và anh N sống hạnh phúc được một thời gian nhưng đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nên chị về nhà cha mẹ ruột sinh sống tại ấp AQ, xã AH, huyện Trảng

Bàng (nay là Khu phố AQ, phường AH, thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống không phù hợp với nhau dẫn đến chị và anh N thường xuyên cãi nhau. Trong thời gian sống ly thân, anh N không đặt vấn đề hàn gắn, hai bên không có thiện chí đoàn tụ. Nay chị không thể tiếp tục chung sống với anh Nguyễn Trọng N, nên chị yêu cầu được ly hôn anh N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hoa S, sinh ngày 15-7-1992 và cháu Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 28-5-1994. Hiện hai cháu đã trưởng thành tự lao động sinh sống. Nên chị không yêu cầu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Trọng N trình bày (Theo biên bản lấy lời khai ngày 26-7-2022):

Thông nhất lời trình bày của chị Nguyễn Thị C về thời gian chung sống; nguyên nhân mâu thuẫn là đúng; anh và chị C đã sống ly thân từ đầu năm 2012. Nay anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị C.

Về con chung: Thông nhất với lời trình bày và yêu cầu của chị Nguyễn Thị C. Hiện hai cháu đã trưởng thành tự lao động sinh sống. Nên anh đồng ý không yêu cầu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét quyết định:

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị C và Nguyễn Trọng N.

Về con chung: Đã thành niên nên không đặt ra giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị C và bị đơn anh Nguyễn Trọng N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1991 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nay chị C yêu cầu ly hôn và anh N cũng đồng ý ly hôn. Tòa án đã tiến hành xác minh Ủy ban nhân dân phường GL nơi anh N sinh sống, kết quả thể hiện chị C và anh N không có đăng ký kết hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị C và anh N.

[3] Về con chung: Chị C và anh N đều trình bày có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Hoa S, sinh ngày 15-7-1992 và cháu Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 28-5-1994. Con chung đã thành niên và có khả năng tự lao động để sinh sống nên chị C, anh N không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí: Chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Trọng N.

2. Về con chung : Có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Hoa S, sinh ngày 15-7-1992 và cháu Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 28-5-1994. Con chung đã thành niên và có khả năng tự lao động để sinh sống nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0026609 ngày 23 tháng 05 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; chị C đã nộp đủ án phí.

5. Báo cho chị Nguyễn Thị C, anh Nguyễn Trọng N biết có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Minh Tú